

Bản án số:142/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-11-2018
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thưa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Thành Công.
2. Bà Lê Thị V.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hùng – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 416/2017/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ V, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị Mỹ V: Ông Trần Minh Phương – Luật sư của Công ty Luật hợp danh Phương Thuận và Bích, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 10 năm 2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11 tháng 7 năm 2018, bản tự khai, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ V trình bày: Bà và ông T cưới nhau vào năm 1982 do tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Tiên, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặc dù bà V cố gắng hàn gắn nhưng tình hình không thay đổi, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nên đã ly thân từ năm 2000. Nay bà V xác định tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: có 03 con chung gồm Phan Thê C, sinh năm 1983, Phan Thê V, sinh năm 1985 và Phan Thị Diễm M, sinh năm 1992, tất cả các con hiện tại đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: có thửa đất số 262, tờ bản đồ số 22, diện tích 62,4m² mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, căn nhà trên thửa đất số 262 diện tích 82,7m²; gác gỗ lửng có diện tích 42,16m²; cây trồng trên thửa đất số 262 gồm có 03 cây sầu riêng thái loại A, 01 cây sầu riêng thái loại B2, 04 cây mít loại A, 02 cây mít loại B1, 03 cây bưởi loại B1; thửa đất số 118, tờ bản đồ số 23, diện tích 3807,5m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Mỹ Thuận, xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, căn nhà trên thửa đất số 118 có diện tích 40m²; nhà kho có diện tích 6m²; cây trồng trên thửa đất số 118 gồm có 38 cây sầu riêng loại A, 17 cây sầu riêng thái loại B2, 01 cây mận loại A. Khi ly hôn bà V yêu cầu được nhận thửa đất số 262, tờ bản đồ số 22, diện tích 624m² mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, căn nhà và cây trồng trên thửa đất số 262; đồng ý giao cho ông T thửa đất số 118, tờ bản đồ số 23, diện tích 3807,5m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Mỹ Thuận, xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, căn nhà và cây trồng trên thửa đất số 118. Đồng thời yêu cầu ông T giao lại 400.000.000 đồng giá trị chênh lệch.

Nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Phan Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như lời trình bày của bà V về thời gian và điều kiện kết hôn, thời gian và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân từ năm 2000. Tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn với bà V vì hiện tại vợ chồng tuổi đã cao.

Về con chung: có 03 con chung gồm Phan Thê C, sinh năm 1983, Phan Thê H, sinh năm 1985 và Phan Thị Diễm M, sinh năm 1992, tất cả các con hiện tại đã thành niên, không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: Thống nhất có các tài sản chung như bà V trình bày. Nếu ly hôn ông T đồng ý chia đôi tất cả các tài sản chung, mỗi người một nửa nhận bằng hiện vật, không đồng ý giao lại giá trị chênh lệch cho bà V.

Về nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến phát biểu: bà V và ông T đã ly thân từ rất lâu nên nay không thể hàn gắn tình cảm, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của 02 thửa đất số 118 và 262 là tài sản chung của vợ chồng ông T, bà V. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tại phiên tòa như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà V được ly hôn với ông T

Về tài sản chung: chia đôi tất cả các tài sản chung cho bà V và ông T, mỗi người một nửa nhận bằng hiện vật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà V có đơn khởi kiện đối với ông T. Bị đơn ông T có địa chỉ tại ấp A, xã T, huyện C nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà V yêu cầu ly hôn với ông T, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3]. Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân:

Bà V và ông T cưới nhau vào năm 1982 trên cơ sở do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên hôn nhân là hợp pháp. Bà V và ông T sống chung với nhau hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Bà V cho rằng nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mặc dù bà V cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng tình hình không thay đổi, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên hiện tại không còn sống chung. Đối với ông T quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã ly thân như bà V trình bày. Tuy rằng ông không đồng ý ly hôn nhưng ông T không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà V và ông T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu nhưng ông T và bà V không thể hàn gắn được tình cảm với nhau. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà V là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V đối với ông T.

Về con chung: đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: qua xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/01/2018 thửa đất số 262, tờ bản đồ số 22, diện tích 624m² mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, hiện tại do bà V đang quản lý sử dụng có tứ cận: hướng Đông giáp đường bê tông có số đo 11.99m, 18.26m; hướng Tây giáp thửa đất số 263 của Phan Văn Sử có số đo 35.80m; hướng Nam giáp thửa đất số 265 của Thái Văn Quang có số đo 20.99m; hướng Bắc giáp đường bê tông có số đo 18.84m; căn nhà trên thửa đất số 262 có kết cấu cột bê tông cốt thép, vách tường tô, kèo gỗ quy cách, mái tôn, nền lót gạch ceramic, diện tích 82.7m²; gác gỗ lửng kết cấu cột bê tông đúc sẵn nền xi măng, vách tường tô, kèo gỗ quy cách, mái tôn diện

tích 42.16m²; cây trồng trên thửa đất số 262 gồm có 03 cây sầu riêng thái loại A, 01 cây sầu riêng thái loại B2, 04 cây mít loại A, 02 cây mít loại B1, 03 cây bưởi loại B1; thửa đất số 118, tờ bản đồ số 23, diện tích 3807.5m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Mỹ Thuận, xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, hiện tại do ông T đang quản lý sử dụng có tứ cận: hướng Đông giáp thửa đất số 119 của Nguyễn Văn Cu và thửa đất số 109 của Nguyễn Văn Út có số đo 51.66m, 20.08m; hướng Tây giáp thửa đất số 110 của Nguyễn Thị Thủy và thửa đất số 76 của Nguyễn Văn Nhân có số đo 46.31m, 26.20m; hướng Nam giáp thửa đất số 146 của Phạm Thị Sang có số đo 44.51m; hướng Bắc giáp thửa đất số 77 có số đo 56.65m; 01 căn nhà trên thửa đất số 118 có kết cấu cột bê tông cốt thép, vách tường tô, kèo gỗ quy cách, mái tôn, nền lát gạch ceramic, có trần, diện tích 40m²; nhà kho có kết cấu cột bê tông đúc sẵn nền xi măng, vách tường tô, kèo gỗ quy cách, mái tôn diện tích 6m²; cây trồng trên thửa đất số 118 gồm có 38 cây sầu riêng thái loại A, 17 cây sầu riêng thái loại B2, 01 cây mít loại A. Khi ly hôn bà V yêu cầu được nhận thửa đất số 262, tờ bản đồ số 22, diện tích 624m² mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, căn nhà và cây trồng trên thửa đất số 262; đồng ý giao cho ông T thửa đất số 118, tờ bản đồ số 23, diện tích 3807.5m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Mỹ Thuận, xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, căn nhà và cây trồng trên thửa đất số 118. Đồng thời yêu cầu ông T giao lại 400.000.000 đồng giá trị chênh lệch. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu ông T cung cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất số 262 và 118 nhưng ông T không cung cấp theo yêu cầu của Tòa án. Quá trình trích lục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 thửa đất số 262 và 118 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cai Lậy cũng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất trên, mà chỉ có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông Phan Văn T. Theo xác nhận ngày 27/10/2017 của Ủy ban nhân dân xã Long Tiên, huyện Cai Lậy thì ông Phan Văn T có 02 thửa đất số 262 và 118 như các đương sự trình bày. Tại phiên tòa ông T đã thừa nhận có các tài sản chung như bà V trình bày, nhưng nếu ly hôn ông T yêu cầu chia đôi tất cả các tài sản chung, mỗi người một nửa nhận bằng hiện vật, không đồng ý giao lại giá trị chênh lệch cho bà V.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 24/01/2018 thì thửa đất số 262, diện tích 624m² có giá thực tế tại địa phương là 260.000 đồng/m², thành tiền là 162.240.000 đồng; căn nhà trên thửa đất số 262 có diện tích 82.7m² giá trị còn lại là 148.446.500 đồng; gác gỗ lửng diện tích 42.16m² giá trị còn lại là 21.628.080 đồng; cây trồng trên thửa đất số 262 gồm có: 03 cây sầu riêng thái loại A trị giá 6.900.000 đồng, 01 cây sầu riêng loại B2 trị giá 1.400.000 đồng, 04 cây mít loại A trị giá 3.200.000 đồng, 02 cây mít loại B1 trị giá 1.160.000 đồng, 03 cây bưởi loại B1 trị giá 1.230.000 đồng. Tổng cộng giá trị thửa đất số 262 và công trình, kiến trúc, cây trồng trên thửa đất số 262 là 346.204.580 đồng.

Đối với thửa đất số 118, diện tích 3807.5m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Mỹ Thuận, xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang có giá thực tế tại địa phương là 150.000 đồng/m², thành tiền là 571.125.000 đồng; căn nhà trên thửa đất số 118 có diện tích 40m² giá trị còn lại là 94.024.000 đồng; nhà kho giá trị còn lại là 6.325.200 đồng; cây trồng trên thửa đất số 118 gồm có: 38 cây sầu riêng thái loại A trị giá 87.400.000 đồng, 17 cây sầu riêng loại B2 trị

giá 23.800.000 đồng, 01 cây mận loại A trị giá 350.000 đồng. Tổng cộng giá trị thửa đất số 118 và công trình, kiến trúc, cây trồng trên thửa đất số 118 là 783.024.200 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy bà V hiện tại tuổi đã cao, lại là phụ nữ, bà V hiện tại làm nghề buôn bán nên không có nhu cầu canh tác đất vườn của ông T đang quản lý sử dụng. Hơn nữa, bà V đã quản lý sử dụng thửa đất số 262 và tài sản gắn liền với thửa đất 262 đã từ rất lâu nên đã ổn định cuộc sống, ngược lại ông T cũng đã quản lý, sử dụng thửa đất số 118 và tài sản gắn liền với đất thời gian dài, hiện tại ông T cũng đang canh tác trên thửa đất số 118. Nếu chia bằng hiện vật tất cả các tài sản chung trên thì không hợp lý, bởi vì trên đất đều có nhà và cây trồng trên đất không thể mỗi tài sản đều chia đôi, sẽ gây trở ngại cho cuộc sống mỗi bên. Như vậy nếu chia cho ông T thửa đất số 118 và tài sản gắn liền với thửa đất số 118 tọa lạc ấp Mỹ Thuận, xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang thì giá trị tài sản của ông T được nhận sẽ vượt hơn của bà V 436.819.620 đồng. Do đó bà V yêu cầu được nhận thửa đất số 262 và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu ông T giao lại 400.000.000 đồng giá trị chênh lệch là có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Xét ý kiến phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tại phiên tòa là có cơ sở, tuy nhiên cần hoàn lại giá trị chênh lệch về chia tài sản chung cho bà V thì hợp lý hơn.

[5]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về chi phí tố tụng: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 157 và 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài nguyên đơn tự nguyện chịu, đã nộp xong và không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[7]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 33, 51, 56, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ V đối với ông Phan Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ V được ly hôn với ông Phan Văn T.
2. Về con chung: đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.
3. Về tài sản chung:

- Giao cho bà Lê Thị Mỹ V được quyền sở hữu quyền sử dụng thửa đất số 262, tờ bản đồ số 22, diện tích 624m² mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, có tứ cận: hướng Đông giáp đường bê tông có số đo 11.99m, 18.26m; hướng Tây giáp thửa đất số 263 của Phan Văn Sử có số đo 35.80m; hướng Nam giáp thửa đất số 265 của Thái Văn Quang có số đo 20.99m; hướng Bắc giáp đường bê tông có số đo 18.84m; căn nhà trên thửa đất số 262 có kết cấu cột bê tông cốt thép, vách tường tô, kèo gỗ quy cách, mái tôn, nền lót gạch ceramic, diện tích 82.7m²; gác gỗ lửng kết cấu cột bê tông đúc sẵn nền xi măng, vách tường tô, kèo gỗ quy cách, mái tôn diện tích 42.16m²; cây trồng trên thửa đất số 262 gồm có 03 cây sầu riêng thái loại A, 01 cây sầu riêng thái loại B2, 04 cây mít loại A, 02 cây mít loại B1, 03 cây bưởi loại B1.

- Giao cho ông Phan Văn T được quyền sở hữu quyền sử dụng thửa đất số 118, tờ bản đồ số 23, diện tích 3807.5m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Mỹ Thuận, xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, có tứ cận: hướng Đông giáp thửa đất số 119 của Nguyễn Văn Cu và thửa đất số 109 của Nguyễn Văn Út có số đo 51.66m, 20.08m; hướng Tây giáp thửa đất số 110 của Nguyễn Thị Thủy và thửa đất số 76 của Nguyễn Văn Nhẫn có số đo 46.31m, 26.20m; hướng Nam giáp thửa đất số 146 của Phạm Thị Sang có số đo 44.51m; hướng Bắc giáp thửa đất số 77 có số đo 56.65m; 01 căn nhà trên thửa đất số 118 có kết cấu cột bê tông cốt thép, vách tường tô, kèo gỗ quy cách, mái tôn, nền lót gạch ceramic, có trần, diện tích 40m²; nhà kho có kết cấu cột bê tông đúc sẵn nền xi măng, vách tường tô, kèo gỗ quy cách, mái tôn diện tích 6m²; cây trồng trên thửa đất số 118 gồm có 38 cây sầu riêng thái loại A, 17 cây sầu riêng thái loại B2, 01 cây mận loại A.

(Tất cả có sơ đồ kèm theo)

Ông Phan Văn T có nghĩa vụ phải thanh toán khoản tiền chênh lệch về chia tài sản chung cho bà Lê Thị Mỹ V số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), thời gian sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất.

4. Về nợ chung: không xem xét.

5. Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ V chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 33.848.183 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tổng số tiền tạm ứng án phí là 10.300.000 đồng đã nộp theo các biên lai thu số 14920, 14921 ngày 27 tháng 10 năm 2017 và biên lai thu số 15767 ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên bà V còn phải nộp 23.848.183 đồng án phí sơ thẩm.

Ông Phan Văn T phải chịu 35.320.968 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Long Tiên, huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Văn Thừa

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cai Lậy, ngày 15 tháng 11 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 15 giờ ngày 15 tháng 11 năm 2018.
Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thừa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị V
2. Ông Đinh Thành Công.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 416/2017/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp “ly hôn” giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Mỹ V, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn:* Ông Phan Văn T, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: tranh chấp “Ly hôn”.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

2. Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 33, 51, 56, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

3. Quyết định xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ V đối với ông Phan Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ được ly hôn với ông Phan Văn T.
- Về con chung: đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung:

+ Giao cho bà Lê Thị Mỹ V được quyền sở hữu quyền sử dụng thửa đất số 262, tờ bản đồ số 22, diện tích 624m² mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, có tứ cận: hướng Đông giáp đường bê tông có số đo 11.99m, 18.26m; hướng Tây giáp thửa đất số 263 của Phan Văn Sử có số đo 35.80m; hướng Nam giáp thửa đất số 265 của Thái Văn Quang có số đo 20.99m; hướng Bắc giáp đường bê tông có số đo 18.84m; căn nhà trên thửa đất số 262 có kết cấu cột bê tông cốt thép, vách tường tô, kèo gỗ quy cách, mái tôn, nền lót gạch ceramic, diện tích 82.7m²; gác gỗ lửng kết cấu cột bê tông đúc sẵn nền xi măng, vách tường tô, kèo gỗ quy cách, mái tôn diện tích 42.16m²; cây trồng trên thửa đất số 262 gồm có 03 cây sầu riêng thái loại A, 01 cây sầu riêng thái loại B2, 04 cây mít loại A, 02 cây mít loại B1, 03 cây bưởi loại B1.

+ Giao cho ông Phan Văn T được quyền sở hữu quyền sử dụng thửa đất số 118, tờ bản đồ số 23, diện tích 3807.5m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Mỹ Thuận, xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, có tứ cận: hướng Đông giáp thửa đất số 119 của Nguyễn Văn Cu và thửa đất số 109 của Nguyễn Văn Ut có số đo 51.66m, 20.08m; hướng Tây giáp thửa đất số 110 của Nguyễn Thị Thủy và thửa đất số 76 của Nguyễn Văn Nhân có số đo 46.31m, 26.20m; hướng Nam giáp thửa đất số 146 của Phạm Thị Sang có số đo 44.51m; hướng Bắc giáp thửa đất số 77 có số đo 56.65m; 01 căn nhà trên thửa đất số 118 có kết cấu cột bê tông cốt thép, vách tường tô, kèo gỗ quy cách, mái tôn, nền lót gạch ceramic, có trần, diện tích 40m²; nhà kho có kết cấu cột bê tông đúc sẵn nền xi măng, vách tường tô, kèo gỗ quy cách, mái tôn diện tích 6m²; cây trồng trên

thửa đất số 118 gồm có 38 cây sầu riêng thái loại A, 17 cây sầu riêng thái loại B2, 01 cây mận loại A.

(Tất cả có sơ đồ kèm theo)

Ông T có nghĩa vụ phải thanh toán khoản tiền chênh lệch về chia tài sản chung cho bà Lê Thị Mỹ V số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), thời gian sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất.

- Về nợ chung: không xem xét.

- Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ V chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 33.848.183 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tổng số tiền tạm ứng án phí là 10.300.000 đồng đã nộp theo các biên lai thu số 14920, 14921 ngày 27 tháng 10 năm 2017 và biên lai thu số 15767 ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên bà V còn phải nộp 23.848.183 đồng án phí sơ thẩm.

Ông Phan Văn T phải chịu 35.320.968 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

- Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Biên bản kết thúc 15 giờ 30 phút ngày 15 tháng 11 năm 2018, có đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử nghe và đồng ý ký tên.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

